ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

DEUA ONMANY

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU TẠI TỈNH SÊKONG, CHDCND LÀO

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
QUẢN LÝ KINH TẾ

Mã số: 60.34.04.10

Đà Nẵng – Năm 2018

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC INH TẾ, ĐHĐN

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. VÕ XUÂN TIẾN

Phản biện 1: TS LÊ DÂN
Phản biện 2: TS LÂM MINH CHÂU

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ quản lý Kinh tế họp tại Trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày tháng 01 năm 2018

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, ĐHĐN

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xuất nhập khẩu là một ngành kinh tế mũi nhọn của nền kinh tế quốc dân, đảm nhận chức năng lưu thông hàng hóa dịch vụ giữa trong và ngoài nước, là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế. Hoạt động này cũng cần phải được quản lý theo một cơ chế nhất định, mang tính đặc thù. Đó là cơ chế quản lý xuất nhập khẩu.

Thời gian qua, Nhà nước CHDCND Lào nói chung và tỉnh Sê kong nói riêng, đã tăng cường quản lý nhà nước về hoạt động XNK, song trong bối cảnh hội nhập quốc tế mạnh mẽ hiện nay, quản lý nhà nước về hoạt động XNK còn biểu hiện nhiều vấn đề bất cập:

- Hệ thống pháp luật về xuất nhập khẩu chưa được xây dựng đồng bộ và tương thích với luật pháp quốc tế.
- Nhà nước Lào nói chung và tỉnh Sêkong nói riêng giờ chưa sử dụng đồng bộ, linh hoạt các công cụ, biện pháp kinh tế để điều tiết hoạt động XNK như: công cụ lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá cả, tín dụng, thuế VAT, thuế quan và các biện pháp phi thuế... nên hiệu lực và hiệu quả quản lý chưa cao.
- Công tác hoạch định chiến lược, chính sách còn chưa đánh giá đúng khả năng trong nước, tính áp đặt chủ quan còn khá lớn.
- Năng lực về đội ngũ cán bộ còn hạn chế, còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Nhìn chung, chưa đáp ứng với yếu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế.

Vì vậy, việc hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa trong thời gian tới là một yêu cầu cấp thiết. Xuất phát từ lý do đó, tác gia đã chọn đề tài: ***"Quản lý nhà nước về hoạt động xuất nhập khẩu tại tỉnh Sê kong,CHDCND Lào"*** làm luận văn thạc sĩ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa các vấn đề lý luận chung quản lý nhà nước về hoạt động XNK.
- P hân tích thực trạng quản lý nhà nước về hoạt động XNK tại tỉnh Sê kong.
- Đề xuất quản lý để hoàn thiện việc quản lý nhà nước về hoạt động XNK tại tỉnh Sêkong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** tất cả những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến quản lý hoạt động XNK tại tỉnh Sê kong.

- **Phạm vi nghiên cứu:** Quản lý nhà nước về hoạt động xuất nhập khẩu gồm rất nhiều vấn đề, tuy nhiên trong khuôn khổ của luận văn, chỉ tập trung nghiên cứu một số vấn đề liên quan đến các chính sách quản lý và công cụ quản lý của Nhà nước đối với hoạt động XNK nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu tại tỉnh Sê kong nói riêng.

+ Về không gian: luận văn nghiên cứu quản lý nhà về hoạt động XNK tại tỉnh Sê kong.

+ Về thời gian: các giải pháp đề xuất trong luận văn có ý nghĩa trong giai đoạn từ nay đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên, luận văn sử dụng phương pháp sau đây:

- Các phương pháp phân tích thực chứng, phân tích chuẩn tắc,
- Phương pháp khảo sát,
- Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp,
- Phương pháp khác.

5. Bổ cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, danh mục tài liệu tham khảo... Bố cục đề tài này còn có nội dung chính như sâu:

Chương 1: Cơ sở lý luận quản lý nhà nước về hoạt độngXNK.

Chương 2 : Thực trạng quản lý nhà nước về hoạt động XNK tại tỉnh Sê kong.

Chương 3: Giải pháp quản lý nhà nước về hoạt động XNK tại tỉnh Sê kong thời gian tới.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU

1.1. KHÁI QUÁT CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG XNK.

1.1.1. Một số khái niệm

a. Xuất, nhập khẩu

Có nhiều khái niệm khác nhau về ngoại thương hay XNK. Song xét về đặc trưng thì XNK được định nghĩa là việc mua, bán hàng hóa và dịch vụ qua biên giới quốc gia. Tức là vai trò của nó như chiếc cầu nối giữa cung, cầu hàng hóa và dịch vụ của thị trường trong và ngoài nước về số lượng, chất lượng và thời gian sản xuất. (ví dụ : lao động và vốn), nhất là XNK trong điều kiện hội nhập khu vực và quốc tế.

Các nhà kinh tế học còn dùng định nghĩa XNK như là một công nghệ khác để sản xuất hàng hóa và dịch vụ (thậm chí cả các yếu tố sản xuất). Như vậy, XNK được hiểu như là mổ quá trình sản xuất gián tiếp.

Trong hoạt động XNK : Xuất khẩu là việc bán hàng hóa và dịch vụ cho người ngoài và nhập khẩu là phụ vụ yêu cầ phát triển kinh tế trong nước, không ngừng nông cao mức sống của nhân dân. Xuất khẩu là để nhập khẩu; nhập khẩu là nguồn lợi chính từ ngoại thương hay XNK.

b. Quản lý nhà nước về hoạt động XNK

khái niệm quản lý nhà nước về hoạt động XNK đã được đề cập ở tài liệu trong nước và quốc tế:

Thực chất quản lý hoạt động TMQT là việc sử dụng các công cụ cần thiết nhằm đảm bảo cân bằng cán cân thương mại của quốc gia. Theo đo, quản lý TMQT là nổ lực của các nước nhằm duy trì mục tiêu thương mại trong quá trình hợp tác quốc tế.

Quản lý XNK là phương thức mà qua đó, Nhà nước tác động có định hướng theo những điều kiện nhất định dối với các đối tượng (chủ thể và khách thể) tham gia hoạt động XNK nhằm đảm bảo cho ựu tự vận động của hoạt động XNK hướng đến các mục tiêu kinh tế - xã hội đã định của Nhà nước.

1.1.2. Đặc điểm của quản lý nhà nước về hoạt động XNK

Quản lý nhà nước về hoạt động XNK là nền kinh tế quốc dân sự tác động có tổ chức và bằng pháp quyền của Nhà nước lên nền kinh tế

quốc dân nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các nguồn lực kinh tế trong và ngoài nước, các cơ hội có thể có, để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế đất nước đã đặt ra, trong điều kiện hội nhập và mở rộng giao lưu quốc tế. Quản lý nhà nước về kinh tế là nội dung cốt lõi của quản lý các hoạt động xã hội liên quan đến kinh tế nói chung và nó phải gắn chặt với các hoạt động quản lý khác của xã hội. Quản lý nhà nước về kinh tế được thể hiện thông qua các chức năng kinh tế và quản lý kinh tế của nhà nước.

1.1.3. Ý nghĩa của quản lý nhà nước về hoạt động XNK

Ý nghĩa của quản lý nhà nước về hoạt động XNK bắt nguồn từ sự cần thiết phải phối hợp các hoạt động lao động chung trên cơ sở xã hội hoá sản xuất và xuất nhập khẩu. lực lượng sản xuất và trình độ phát triển sản xuất hàng hoá càng cao thì càng cần thiết phải thực hiện vai trò này một cách chặt chẽ và nghiêm ngặt. Tùy theo trình độ phát triển của lực lượng sản xuất hàng hóa trong từng giai đoạn nhất định mà giữa các phân ngành của nền kinh tế có những mối quan hệ tỷ lệ phù hợp đảm bảo khai thác hợp lý các nguồn lực và phát triển. Sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất, sự tác động thương xuyên hay biến động của các yếu tố tự nhiên, kinh tế, chính trị, xã hội trong nước cũng như quốc tế luôn là những nguyên nhân phá vỡ những mối quan hệ tỷ lệ nói trên, trước tình hình đó, nhà nước là người nhận thức đúng các quy luật vận động phát triển, nắn vững và dự báo được các yếu tố tự nhiên, kinh tế, chính trị xã hội trong nước và quốc tế để vạch ra cac chiến lược và kế hoạch phát triển thể chế hóa các chủ trương đường lối phát triển nông nghiệp thành các quy chế, luật lệ để hướng dẫn và sử dụng các kích thích kinh tế nhằm định hướng phát triển nền kinh tế nói chung và hoạt động XNK nói riêng phát triển đúng hướng và có hiểu quả.

1.2. NỘI DUNG CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG XNK

1.2.1. Hoạch định chiến lược XNK

Chiến lược XNK là một bản luận cứ có cơ sở khoa học định mục tiêu và đường hướng phát triển XNK của đất nước trong khoảng thời gian 10 năm hoặc dài hơn, là cắn cứ để hoạch định các chính sách NNK. Chiến lược XNK xác định tầm nhìn của một quá trình phát triển mong muốn, thể hiện sự nhất quán về con đường và các giải pháp cơ bản để thực hiện mục tiêu XNK.

Mô hình chiến lược XNK do nhiều yếu tố ảnh hưởng; trong đó chủ yếu là:

+ Chế độ chính trị - xã hội và con đường phát triển được lựa chọn có ảnh hưởng quyết định đến nội dung của chiến lược.

+ Hoàn cảnh lịch sử và trình độ phát triển ở từng giai đoạn của đất nước, gắn với các yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn đó.

Tùy thuộc vào bối cảnh, mục tieu chính cần đạt tới của chiến lược.

- **Mục tiêu chung của chiến lược XNK**

+ Phát triển sản xuất để tăng nhanh XK, đồng thời đáp ứng nhu cầu trong nước; khai thác tốt thế so sánh của nền kinh tế, nâng cao hiệu quả, năng lực cạnh tranh XNK và chuyển dịch cơ cầu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại, giải quyết việc làm và tiến tới cân bằng cán cân thương mại.

+ Xây dựng, củng cố các đối tác hợp tác chiến lược để phát triển thị trường bền vững; kết hợp hài hòa lợi ích trước mắt và lới ích lâu dài của quốc gia, lợi ích kinh tế và lợi ích chính trị - đối ngoại, chủ động và độc lập tự chủ trong hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Đa dạng hóa thị trường XNK. Tích cực và chủ động tham gia vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; chú trọng xây dựng và phát triển hàng hóa có giá trị tăng cao, có thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước.

1.2.2. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về hoạt động

Tổ chức bổ máy quản lý nhà nước về hoạt động XNK cần phải có lực chọn một cơ quan nhận nhiệm vụ chính thức chủ trì thực thi và một số cơ quan khác tham gia. Do mỗi chiến lược có liện quan tới nhiều ngành nhiều cấp. Khi thực hiện như vậy mới xác định trách nhiệm cụ thể của mỗi cơ quan.

Cơ quan chủ trì thực hiện phải có các điều kiện:

- Đảm bảo về mặt chính trị và phát luật.
- Có đủ nguồn lực.
- Bảo đảm và thông tin gián tiếp.
- Được quarn lý và phân bổ ngân sách.
- Có vấn đề về kỹ thuật…

Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về hoạt động XNK là cần phải chủ trọng công tác lựa chọn đào tạo bồi dưỡng cán bộ thực thi chiến lược, đây có thể coi là khâu quyết định trong việc thực thi thành công chiến lược. Cán bộ là những người trực tiếp tham gia hoạt động triển khai chiến lược vào cuộc sống, thực thi các giải pháp chiến lược. Họ là người nắm chắc nội dụng chiến lược hiểu biết thực tế để triển khai và

điều chỉnh. Từ thực tế thực thi chiến lược họ sẽ khuyến nghị điều chính chiến lược.

Nhân tố con người này có vai trò quyết định trong việc tổ chức các chiến lược XNK. Cho dù chiến lược có tốt đến mấy đi chăng nữa nhưng tổ chức thực hiện không tốt thì chiến lược sẽ không đi vào cuộc sống, người dân vẫn không có cơ hội để tham gia vào các loại hình bảo hiểm và các chiến lược trợ giúp. Do vậy, việc thiết lập hệ thống tổ chức quản lý với đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp để thực hiện các chiến lược của hệ thống xuất nhập khẩu cần đáp ứng được yêu cầu theo hướng phải bao phu r được tất cả các đối tượng có nhu cấu thực sự, cho dù đó là chiến lược bảo hiểm hay chính sách trợ giúp. Về nguyên tắc, có thể thiếp lập được tổ chức độc lập cho từng hợp phần nhưng cũng có thể sử dụng bộ máy chính quyền hiện có để thực hiện, tùy điều kiện cụ thể của các quốc gia. Thể chế chiến lược mang tính phổ cập thì chi phí qủan lý ít và bộ máy tổ chức quản lý gọn nhẹ và ngược lại, thể chế phức tạp thì chi phí quản lý tốn kém hơn.

Ngoài ra cải cách thủ tục hành chính khiến cho thủ tục đơn giản để khâu ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể hóa chiến lược.

1.2.3. Tổ chức hoạt động XNK

Tổ chức hoạt động XNK là quá trình tổ chức, sắp xếp, bố trí các hoạt động để thực hiện chiến lược XNK với các công cụ đã có và việc triển khai chiến lược có vai trò quyết định sự thành công của chiến lược. Đây là nhiệm vụ và bộ máy tổ chức thực hiện chiến lược phải hoàn thành. Một bộ máy tốt phải tổ chức triển khai để đưa chiến lược vào cuộc sống.

Muốn triển khai sâu rộng chiến lược trước thế cần khai thác tốt kênh truyền tài để triển khai chiến lược. Vì những thông tin về chiến lược như mục tiêu chiến lược, đối tượng phạm vi chiến lược, những tiêu chuẩn điều kiện quy định của chiến lược cũng như thời gian bắt đầu có hiệu lực và kết thúc… cần phải truyền tài tới các đối tượng chiến lược hay diện bao phủ của chiến lược. Do đó kênh truyền tài sẽ truyền dẫn thông tin tới nơi cần thiết. Có nhiều kênh khác nhau cần phải sử dụng tùy theo điều kiện cũng như nguồn lực.

Các kênh này bao gồm:

- Chú trọng khai thác kênh các phương tiên thông tin đại chúng để tuyên truyền giúp cho mọi người hiểu biết chiến lược.
- Hệ thống Web trên Internet hay thư điện tử cũng cần chú ý khai thác.
- Kênh tuyên truyền trực tiếp thông qua phổ biến chiến lược.

- Thông qua các đoàn thể để tuyên truyền chiến lược.

Chiến lược nói chung thường được triển khai thông qua các dự án, và các dự án thường được triển khai để giải quyết khâu yếu nhất của chiến lược. Chẳng hạn chiến lược đào tạo nghề cho lao động nông thôn thông qua dự án đào tạo và chuyển giao kỹ thuật nuôi trồng, thủy sản … chiến lược và hiệu quả các dự án sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thành công của chiến lược do đó muốn triển khai rộng và sâu chiến lược thì phải trú trọng và nâng cao hiệu quả các dự án thực hiện chiến lược.

Việc triển khai chiến lược lien quan đến cơ quan ban ngành do đó cần phải hoàn thiện việc phối hợp giữa các cơ quan và các ngành trong triển khai chiến lược cũng có ý nghĩa quan trọng .

1.2.4. Chính sách thúc đẩy hoạt động XNK

Chính sách XNK là hệ thống các quan điểm, chuẩn mực, thế chế và phương thức mầ nhà nược sử dụng, tác động và chủ thế XNK và thị trường để điều chỉnh hoạt động XNK nhằm đặt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ nhất định.

Chính sách là một bộ phận cấu thành của chiến lược kinh tế đối ngoại của quốc gia. Tùy theo yêu cầu đặt điểm phát triển đát nước trong từng thời kỳ, mỗi quốc gia hình thành chính sach XNK theo mục tiêu riêng. Tuy nhiên, nghiên cứu tiến trình phát triển kinh tế thế giới, có thể thất các nước đã và đang thực hiện một số mô hình chiến lược XNK chung nhất, đó là sản xuất thay thế nhập khẩu, xuất khẩu sản phẩm thô và cơ chế, công nghiệp hóa hướng vào xuất khẩu hoặc chiến lược phát triển XNK hỗn hợp… Vì vậy, cần phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách XNK phù hợp với đường lối phát triển kinh tế - xã hội; điều kiện trong nước và quốc tế, năng lực sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp XNK; dự báo tính hình thị trường và các yếu tố liên quan. Hệ thống chính sách này sẽ tác động lên toàn bộ các nguồn lực, các mối quan hệ, giao dịch của các chủ thể tham gia hoạt động XNK để làm cho các hoạt động này đi đúng hướng và hiệu quả, Đây chính là yêu cầu cơ bản của quản lý nhà về hoạt động XNK và phải được thể hiện đầy đủ trong toàn bộ hoạt động ngoại thương cũng như trong từng nội dung đàm phán hợp tác thương mại với các quốc gia và vũng lãnh thổ.

a. Chính sách phát triển XK

- Chính sach chuyển dịch cơ cầu xuất khẩu.

- Các biên pháp để tạo nguồn hàng và cải biến cơ cấu xuất khẩu.

- Các biên pháp, chính sách tài chính nhằm khuyến khích sản xuất và thúc đẩy XK

b. Chính sách nhập khẩu

Sửu dụng vốn NK tiết kiệm, hợp lý đem lại hiệu quả kinh tế cao :

- Nhập khẩu thiết bị kỹ thuật tiên tiến hiện đại, phù hợp với điều kiện của quốc gia

- Bảo vệ và thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển,tăng nhanh XK

1.2.5. Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động XNK

Công tác thanh tra, kiểm tram hoạt động XNK là nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định XNK. Nhà nước thực hiện quyền kiểm tra, giám sát đới với tất cả các hoạt động XN trong phạm vi cả nước và thống nhất toàn ngành, đảm bảo hiệu quả chung của nền kinh tế đối ngoại. Trên cơ sở nội dung quản lý nhà nước về XNK đã quy định, các cơ quan chủ thể quản lý XNK Trung ương đến đí phương tùy theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình tiến hành những biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để điều chỉnh các hoạt động XNK đi đúng hướng. Các cơ quan quản lý nhà nước về XNK hoạch định chiến và kế hoạch XNK ở tầm vĩ mô, định hướng phát triển và mục tiêu XNK cho từng thời kỳ và điều tiết tổng thể các mối quan hệ về XNK. Trong đó, Bộ Công Thương là cơ quan trực tiếp được Nhà nước giao thực hiện chức năng quản lý thống nhất đối với các hoạt động XNK trên phạm vi cả nước.

1.3. NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG XNK

1.3.1. Đặc điểm tự nhiên

1.3.2. Đặc điểm xã hội

1.3.3. Đặc điểm kinh tế

1.3.4. Toàn cầu hóa

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU TẠI SÊ KONG

2.1. ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA TỈNH SÊ KONG

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Sê Kong là tỉnh ở miền núi phía Đông Nam của CHDCND nước Lào, với diện tích 7.750 km^2, chiếm 3,27% của tổng diện tích toàn nước, dân số 113.200 người (năm 2016). SêKong nằm cách thủ đô Viêng Chăn khoảng 700 km về phía Bắc và hiện tại có biên giới giáp với các tỉnh Nam Lào cũng như các tỉnh của Việt Nam chẳng hạn như: Phía Tây giáp tỉnh Chăm Pa Sack, phía Bắc giáp tỉnh Sa La Văn, phía Nam giáp tỉnh Ất Ta Pư và phía Đông giáp với 3 tỉnh của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam : tỉnh Thừu Thiên Huế, tỉnh Quảng Nam và tỉnh Kon Tum có ranh giới với nhau chiều dài là 280 km. Hệ thống giao thông của tỉnh gồm: 16B; 16A ...có cửa khẩu Quốc tế Đack Ta Óc (Dack Chưng – SêKong)–Đắc Ốc (Nam Giang-Quảng Nam) và cửa khẩu liên tỉnh Ta Vang, A Nốc (A Lưới-Huế)

2.1.2. Đặc điểm xã hội

a. Về lịch sử, văn hóa, con người

b. Về dân số, mật độ dân số và nguồn nhân lực

c. Số hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo và thu nhập nông dân ở nông thôn Sêkong.

2.1.3. Đặc điểm kinh tế

a. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế của tỉnh trong thời gian vừa qua cũng chưa thay đổi nhiều. Nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông - lâm nghiệp còn các lĩnh vực khác chỉ mới là bước đầu. Về vốn đầu tư trong thời gian qua chủ yếu là dựa vào vốn ngân sách Nhà nước, ngoài ra còn có các nguồn vốn khác nhưng rất ít.

Sau 5 năm phấn đấu thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm lần thứ VII (2011-2015), đã thu được những kết quả ban đầu:

Bảng 2.5: Nhịp độ tăng trưởng GDP trong 5 năm qua (2011-2015)

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
Mức tăng trưởng hàng năm (%)	13,6	13	13,3	13,4	14,2
GDP bình quân đầu người (USD)	542	688	944	1.137	1.304

Bảng 2.6:Nhịp độ cơ cấu kinh tế của tỉnh Sê Kong trong 5 năm qua

Đơn vị tính : %.

Ngành, lĩnh vực	2011	2012	2013	2014	2015	Bình quân 5 năm
Nông-lâm nghiệp	45,5	43,7	41,9	39,8	38	41,78
Công nghiệp	20,1	20,7	21,4	22,2	23,5	21,58
Dịch vụ	34,4	35,5	36,7	38	38,5	36,62

(Nguồn: Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Sê Kong) .

Qua đó: Ta thấy được các ngành công nghiệp mũi nhọn phát triển đúng hướng và tạo ra chỗ đứng trong thị trường. Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp giảm tương đối.

Các ngành công nghiệp và dịch vụ đã tăng lên hàng năm. Đối với lĩnh vực công nghiệp năm 2011 là 20,1% và đến năm 2015 đạt được 23,5% trong ngành công nghiệp cũng có sự tăng dần nhưng quá chậm. Lĩnh vực dịch vụ trong năm 2011 chỉ đạt 34,4% mà đến năm 2015 đã đạt tới 38,5%. Ở đây cho ta thấy được lĩnh vực dịch vụ của tỉnh Sê Kông đã từng bước thay đổi phát triển đi lên theo đúng hướng tương đối nhanh. Riêng lĩnh vực nông-lâm nghiệp đã giảm dần từ 45,5% năm 2011, mà chỉ còn 38% năm 2015. Điều này cho biết nhịp độ giảm dần trong lĩnh vực này đã làm cho cơ cấu kinh tế bị thay đổi theo hướng cơ chế thị trường .

Kết quả tổng hợp nhất là nhờ có chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư xây dựng cơ bản đúng đắn mà vị thế của tỉnh đã nâng lên, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Tình hình chính trị ổn định, tạo đà tiếp tục cho tỉnh Sê Kong phát triển đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới. GDP bình quân đầu người trong năm 2011 chỉ đạt được 542

USD/người/năm. Đến năm 2015 GDP đạt tới 1.304USD/người/năm. Điều này đã làm thay đổi cuộc sống của nhân dân trong tỉnh

b. Tình hình kim ngạch XNK của tỉnh Sê Kong trong thời gian qua

Bảng 2.7: kim ngạch XNK trong giai đoạn năm 2011 – 2015

Đơn vị tính: Triệu USD

Năm	Tổng số	Chia ra		Cân đối
		Xuất khẩu	Nhập khẩu	
2011	4,8	2,0	2,8	776
2012	6,1	2,6	3,4	849
2013	29,5	16,1	13,4	2,7
2014	40,6	13,0	27,6	14,6
2015	39,8	21,1	18,7	2,4
Tổng	121,0	54,9	66,0	11,0

(Nguồn: Sở Công Thương Tỉnh Sê kong).

Qua bảng chung ta thấy tổng số kim ngạch XNK của tỉnh Sê kong trong thời gian qua đã có xu hướng tăng dầu từ 2 triệu USD năm 2011 lên tới 21 triệu USD vào năm 2015. Trong đó kim ngạch xuất khẩu cao hơn nhập khẩu qua các năm.

Các hàng hóa xuất khẩu chủ yếu của tỉnh Sê kong là gỗ và các loại sản phẩm gỗ , lâm sản và các sản phẩm nông nghiệp điều đó được thể hiện quả bảng 2.7

2.1.4. Đặc điểm nguồn nhân lực phục vụ &thanh tra, kiểm tra

a. Nguồn nhân lực phục vụ

Về bản chất công tác quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu sẽ do hai bộ ngành phối hợp quản lý là bộ công thương và bộ tài chính với hai cơ quan trực tiếp quả lý là Tổng cục Quản lý xuất nhập khẩu thuộc bộ Công Thương và Tổng cục Hải quan thuộc bộ Tài Chính.

Hiện nay là một công tác nghiệp vụ với sự gắn kết, đan xen của hai bộ hoạt động: thu thập, xử lý thông tin và áp dụng kỹ thuật quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu. Tại Tỉnh SêKong là do cục quản lý xuất nhập khẩu Sêkong và cục Hải quan Sêkong.

Cục quản lý xuất nhập khẩu tỉnh bao gồm 1 giám đốc, 1 phó giám đốc và 6 phòng với 38 cán bộ đã đạt trình độ 100% đại học và trên đại học.

b. Tranh tra, kiểm tra

- Kiểm soát bộ hồ sơ

Cho thấy từ năm 2009 - 2015 Tỉnh SêKong đã kiểm tra và phát hiện bình quân 12.898.278 bộ hồ sơ chưa đạt. Năm 2009 số hồ sơ khai chưa đạt là 116.486 bộ đến năm 2015 tăng lên 430.417 bộ. Số hồ sơ chưa đạt này chủ yếu là do doanh nghiệp chưa hiểu rõ thủ tục hải quan nên còn làm nhầm lẫn thủ tục hoặc khai nhầm các thông tin theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, số hồ sơ khai chưa đạt có xu hướng tăng nhưng tỷ lệ hồ sơ khai chưa đạt lại giảm, nếu năm 2009 tỷ lệ hồ sơ khai sai là 4,17% thì đến năm 2015 chỉ còn 1,92%. Có được điều này là do trong quá trình làm thủ tục các cơ quan quản lý xuất nhập khẩu của Tỉnh luôn cố gắng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, tuy nhiên vẫn đảm báo tính chính xác, tuân thủ đúng quy trình, nghiệp vụ, đúng pháp luật. Sau khi hồ sơ hoàn thiện đúng theo quy định của pháp luật, hàng hoá được thông quan. Bộ hồ sơ này sẽ được công chức tại Chi cục phúc tập hồ sơ kiểm tra rà soát lại lần cuối và chuyển vào lưu trữ nếu không phát hiện ra sai phạm. Trong thời gian 5 năm sau khi hàng hoá thông quan nếu nghi ngờ doanh nghiệp có sai sót thì Chi cục sau thông quan sẽ kiểm tra lại hồ sơ.

2.2. THỰC TRẠNG CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG XNK CỦA TỈNH SÊKONG

2.2.1. Thực trạng của chiến lược hoạt động xuất nhậpkhẩu

Cùng với đói mới kinh tế và tăng cường hội nhập, quản lý XNK từng bước được chuyển đổi cả về tư duy, nội dung và phương pháp quản lý, taho môi trường pháp lý thuân lợi cho lưu thông hàng hóa XNK và hoạt động của thương nhân trong nước và quốc tế.

Chiến lược đẩy mạnh hoạt động XNK của tỉnh nhằm tập trung vào các mục tiêu: định hướng các hoạt động XNK phục vụ nền kinh tế đang chuyển đổi và nhanh chóng tiếp cận với MQ. Quá trình này được thực hiện theo từng giai đoạn, gắn liền trình đọ năng lực của nền kinh tế đất nước và theo hướng lại bỏ những cấm đoán, hạn chế XNK và giảm dần sự can thiệp bằng các biện pháp hành chính.

Để quản lý các hoạt động XNK đi đúng hướng và hiệu quả, khi thực hiện các bộ luật cơ bản như Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp, Luật Công ty, Luật Đầu tư nước ngoài, Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu… Tỉnh đã ban hành hàng loạt văn bản dưới luật. như Quyết định và nhiều văn bản khác về quản lý nhà nước về hoạt động XNK, đầu tư nước ngoài và đổi mới cơ chế quản lý hoạt động XNK.

Song song với ban hành các công cụ chính sách trong nước, Tỉnh đã xác lập quan hệ thương mại song phương, tham gia các tổ chức kinh tế - thương mại hu vực và quốc tế để phục vụ cho chính sách ngoại thương và mở đường cho hoạt động XNK vươn ra thế giới.

Quá trình đổi mới công tác quản lý XNK đã tác động tích cực đến kinh tế - xã hội đất nước, tạo môi trường pháp lý cho hoạt động sản xuất kinh doanh XNK vận hành theo cơ chế thị trường, góp phần hơi dậy tiềm năng, sáng tạo và tính chủ động của các đơn vị kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế để phát triển xuất khẩu. Đặc biệt, công tác quản lý XNK đã hắc phục được tình trạng phần biệt đối xử, tạp dựng được thế và lực của Tỉnh trong TMTQ, hai thông thị trường mới, mở rộng quan hệ buôn bán trao đổi, tạo ra nhiều thuận lợi cho XNK hàng hóa. Đổi mới quản lý XNK cũng tạo thuận lợi thu hút đầu tư, tiếp thu trình độ quản lý và chuyển giao công nghệ tiên tiến, đồng thời tham gia sâu hơn vào quá trình phân công lao động quốc tế.

Nhìn chung, Những năm qua cùng với sử đổi mới cơ chế quản lý nền kinh tế nước CHDND Lào theo tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, mô hình quản lý XNK của tỉnh cũng đã có những thay đổi cơ bản từ kiểu quản lý tập trung bao cấp sáng quản lý theo cơ chế thị trường của nhà nước. Cơ chế này theo hướng mở hơn và được điều chỉnh liên tục cho phù hợp với cấc cam kết song và địa phương của Lào với các nước và tổ chức quốc tế cũng như đặc điểm tình hình của nền kinh tế. Các công cụ thị trường đã được vận dụng há linh hoạt trong quản lý XNK và bộ quản lý cũng tinh giảm gọn nhẹ và hiệu quả hơn.

2.2.2. Thực trạng bộ máy quản lý hoạt động XNK

Cùng giống như các nước trên thế giới, nước Lào đều thiết lập hầu hết các công cụ chính sách cần thiết để điều chỉnh các hoạt động XNK. Đồng thời tùy theo mục tiêu phát triển kinh tế trong từng giai đoạn để thực thị các công cụ và giải pháp đã được thiết lập cho thích hợp.

Trong gian đoạn này, quan hệ kinh tế đói ngoại chủ yếu với khối các nước XHCN và mang nặng tính chất quan hệ giữa Nhà nước với Nhà nước. Nhà nước là chủ thể đàm phán ký kết các hiệp định thương mại và nghị định thư trao đổi , buôn bán hàng hóa hàng năm. Giá cả hàng hóa được xác định theo những nguyên tắc được thỏa thuận giữa các Chính phủ, chủ yếu chỉ để ghi " có " và ghi " nợ " giữa bên bán và bên mua. Về tỷ giá hối đoái được áp dụng theo cơ chế tỷ giá cố định (tỷ giá giữa đồng Lào và đồng do la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước công bố đã ấn ndịnh giá trị đồng nội tệ rất cao và cố định kéo dài hàng năm, ít thay đổi). Hay nói cách khác, các công cụ quản lý XNK dường như

có nhưng chỉ đơn thuần ở chức năng tính toán đo lường chứ chưa phát huy vai trò tác động tới XNK.

Nhà nước tiếp tục sử dụng hệ thống công cụ thuế quan và phi thuế quan đẻ điều tiết XNK hướng vào mục tiêu phát triển kinh tế, ban hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (thuế XNK) mới . Kèm theo đó, biểu thuế XNK đã có những thay đổi cơ bản, với việc đưa vào áp dụng danh mục hàng hóa XNK dựa trên danh mục hài hòa quốc tế để xây dựng biểu thuế thay cho danh mục hàng hóa của Hội đồng Tương trợ kinh tế. Miễn thuế nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất hàng xuất hẩu; giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu vẫn là một trong những nguồn thu chủ yếu.

Nước Lào tiến hành mở cửa hội nhập trong điều kiện đất nước mới chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, sản xuất trong nước chậm phát triển, và vậy cùng một lúc Nhà nước đã kết hợp cả hai chính sách bảo hộ và tự do thương mại. Đó là, một mặt vẫn thực thi các công cụ cần thiết như thuế quan, hạn ngạch, giấy phép, quy định đầu mới nhập khẩu, thiết lập tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định khắc nhằm hạn chế hàng hóa nhập khẩu, bảo vệ thị trường nội địa , bảo vệ sản xuất trong nước. Mặt khác, sử dụng các đòn bẩy kinh tế tài chính như chính sách tỷ giá, chính sách noại hối, chính sách phân phối, chính sách hỗ trợ xuất khẩu v.v. nhằm kích thích phát triển nền kinh tế và gián tiếp vô hiệu hóa hoạt động xuất khẩu của các nước vào trong nước. Chính hai xu hướng này là cơ sở để hình thành nên hệ thống các công cụ chính sách quốc gia về quản lý hoạt động XNK của nước Lào trong thời gian qua.

Tuy nhiên, hệ thống các công cụ chính sách quản lý XNK áp dụng trong thòi gian qua vẫn mang nặng tích chủ quan áp đặt theo kiểu tư duy của một nước chậm phát triển, vì vậy chưa tạo sự đọt phá để đạt mục tiêu chiến lược và tối đa hóa hiệu quả hoạt động XNK.

2.2.3. Thực trạng về tổ chức hoạt động XNK

Tổ chức quản lý hoạt động XNK gồm có 3 nhóm:

- ***Nhóm quản lý theo cấp hành chính:*** do Chính phủ thông qua các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện trực thuộc điều chỉnh các chủ thể XNK.
- ***Nhóm quản lý trực tiếp:*** do Chính phủ trực tiếp điều hành và thông qua Bộ Công thương, các cơ quan đại diện Bộ Công thương ở các khu vực để điều chỉnh các chủ thể XNK.

- ***Nhóm quản lý chuyên ngành:*** do Chính phủ thông qua các Bộ chuyên ngành và các cơ quan chuyên ngành trực thuộc để điều chỉnh các chủ thể XNK.

Bộ Công Thương vừa trực tiếp vừa chỉ đạo Sở công thương tỉnh điều hành hoạt động XNK hoặc Bộ Công Thương thông qua các Bộ ngành và Ủy ban nhân dân các địa phương điều chỉnh các chủ thể XNK nhằm tuân thủ các mục tiêu đã hoạch định. Cơ cấu tổ chức quản lý hoạt động XNK.

Ngoài ra, tổ chức bộ mày quản lý XNK và cơ chế hoạt động được thể hiện rõ nét nhất ở các địa phương và khu vực, Thường đối tương XNK trên địa bàn có thể cùng chịu sự quản lý của nhiều cơ quan chức năng. Chẳng hạn như : Sở công thương tỉnh, Cục Hải quan tỉnh cùng tham gia quản lý tất cả các chủ thể XNK trên phạm vi địa bàn. Trong khi đó, Sở thương mại tỉnh, Cục Hải quan tỉnh có quan hệ quản lý trực tiếp đối các doanh nghiệp XNK trực thuộc tỉnh.

2.2.4. Thực trạng về chính sách thúc đẩy hoạt động XNK

Chính phủ rất chú trọng việc điều tiết và quản lý XNK thông qua chính sách tài chính, giá cả như: ban hành "Danh mục các mặt hàng thuộc diện nhà nước quản lý giá tính thuế nhập khẩu" và "Bảng giá mua tối thiểu" đối với các mặt hàng thuộc diện Nhà nước quản lý giá tính thuế; thay đổi giá "sàn" đối với hàng uất khẩu và giá "trần" đối với hàng nhập khẩu; thay đổi thuế suất và tỷ lệ phụ thu đối với một số mặt hàng XNK phù hợp với điều kiện của từng thời kỳ....

Thủ tục XNK được đơn gian hóa theo hướng đồng bộ hóa giữa các Bộ, ngành quản lý; bao gồm thủ tục cấp phép, kiểm tra chuyên ngành, thủ tục hải quan và quy trình thu thuế XNK nhằm tạo môi trường thông thoáng cho hoạt động XNK.

Quan hệ phối kết hợp quản lý XNK giữa các Bộ, Nhanh đã có những tiến bộ rõ rệt, như quản lý, phân phối chỉ hạn ngạch, xuất khẩu hàng hóa vào thị trường EU, điều chỉnh đầu mới và quy định lượng nhập khẩu và xuất khẩu … đảm bảo được mục tiêu chung, không gây ách tắc trong lưu thông hàng hóa, bảo hộ tượng đối hợp lý đối với hàng sản xuất trong nước.

Nhà nước tập trung ban hành nhiều văn bản pháp luật trong lĩnh vực XNKK, trong đó có những quy phạm pháp luật trực tiếp điều chỉnh các hoạt động XNK như Luật Doanh Nghiệp, Luật Hải quan, các Nghị định của Chính phủ … Trong đó, Luật Doanh Nghiệp đa đạt nền tảng cho những thay đổi cơ bản trong hệ thống quản lý XNK và mở rộng hơn nữa quyền tự do XNK theo xu hướng hội nhập và toàn cầu

hóa. Các văn bản pháp quy phần lớn bảo đảm được tính thống nhất, sử đồng bộ giữa luật và các văn bản dưới luật , giữa thể chế quản lý và các chế tài liên quan.

Tiếp tục rà soát các văn bản quản lý của các Bộ, Ngành chức năng để sửa đổi bổ sung theo hứng giảm bớt các thủ tục, quy trình rườm rà không càn thiết, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá doanh nghiệp hoạt động XNK; nghiên cứu cải tiến việc cấp giấy phép XNK để phù hợi với yêu cầu phát triển kinh tế trong nước và thích ứng với điều kiện nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên trong giai đoạn này mức thuế quan vẫn còn cao.

Công tác cải cách thủ tục hành chính nói chung và hệ thống quản lý XNK nói riêng đã có những tiến bộ vượt bậc. Trong đó, có việc giao quyền rộng rãi cho các Ủy ban nhân dân địa phương, các Ban quản lý hu chế xuất, hu công nghiệp cấp phép, xét duyệt hạn ngạch, kế hoạch XNK, đơn gian hóa thủ tục đăng ký kinh doanh XNK, tạo môi trường sản xuất kinh doanh XNK thuận lợi.

2.2.5. Thực trạng về công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động XNK

Thực trạng thanh tra kiểm tra hoạt động XNK là bên cạnh những mặt tích cực, những tiêu cực trong lĩnh vực XNK ngày càng gia tăng phức tạp, trật tự, kỷ cương trong hoạt động XNK và thực thi chính sách pháp luật về thương mại vẫn chưa khôi phục triệt để. Tình trạng vi phạm pháp luật, buôn lậu, lợi dụng phân cấp, phân quyền để làm trái quy định; chia cắp theo cấp, ngành, địa phương; cạnh tranh không làm mạnh… vẫn chưa chấm dứt.

Khuynh hướng " thương mại hóa ", chạy theo lợi nhuận, buôn lâu, gian lận thương mại, buôn bán hàng hóa giả mạo, vi phạm bản quyền , lợi dụng mở cửa XNK để hoạt động trái phép đang có chiều hướng gia tăng.

Công tác thanh tra, Kiểm tra hoạt động XNK là một trong những yếu tố cấu thành của quản lý hoạt động X NK Nhà nước trong lĩnh vực thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Bên cạnh việc tôn trọng kết quả tự tính, tự khai, tự nộp thuế của người nộp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, cơ quan Hải quan thực hiện các biện pháp giám sát hiệu quả vừa đảm bảo khuyến khích sự tuân thủ tự nguyện, vừa đảm bảo phát hiện ngăn ngừa các trường hợp vi phạm pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG XNK CỦA TỈNH SÊKONG

2.3.1. Thành tựu và hạn chế

a. Thành tựu

- Chính sách, cơ chế điều hành XNK từng bước được hoàn thiện, ổn định lâu dài và có thể nhận biết trước.
- Quyền kinh doanh XNK và phân phối ngày càng được mở rộng tối đa, chấm dứt độc quyền XNK của doanh nghiệp Nhà nước.
- Chính phủ công bố lộ trình thực hiện các công cụ bảo hộ mới theo thông lệ quốc tế như hạn ngạch thuế quan, thuế tự vệ, thuế chống phá giá và thuế chống trợ cấp.
- Hệ thống pháp luật về thương mại và quản lý XNK cơ bản được ban hành thực sự là công cụ thiết yếu điều chỉnh các hoạt động thương mại đi đúng hướng và thúc đẩy XNK phát triển.
- Hệ thống chính sách thuế XNK tiếp tục cải cách theo lộ trình và các cam kết quốc tế, bám sát các mục tiêu: nâng cao năng lực cạnh tranh cảu hàng hóa Lào trên thị trường thế giới với yêu cầu bảo về và hỗ trợ nền sản xuất trong tỉnh, đảm bảo nguồn thu Ngân sách.
- Từng bước ban hành những chính sách quản lý ngoại hối và điều hành tỷ giá phù hợp với diễn biến của thị trường tiền tệ quốc tế và thực tiễn hoạt động XNK, đã cải thiện cơ bản cán cân thương mại và cán cân thanh toán quốc tế của Lào.
- Đẩy mạnh tiến trình hội nhập, tham gia sâu vào các tổ chức quốc tế và khu vực.
- Các đối tương XNK từng bước được hoàn thiện theo hướng đơn giản hóa, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ thông lệ quốc tế.

b. Hạn chế

Bện cạnh những thành tựu, quản lý XNK vẫn chưa ngang tầm với yêu cầu và mục tiêu đặt ra: Hệ thống pháp luật về quản lý XNK vẫn chưa đồng bộ và phù hợp với cơ chế thị trường và thực tiễn phát triển nhanh chóng của TMQT; Chính sách, cơ chế điều hành XNK chưa theo kịp với mục tiêu phát triển trong giai đoạn mới; Hệ thống chính sách thuế XNK chưa theo kịp với xu thế hội nhập; Hàng rào thương mại chưa phù hợp với chuẩn mục quốc tế; Tồn tại những bất cập trong quản lý ngoại hối và tỷ giá; Thủ tục hải quan còn rườm rà, phức tạp; trình độ năng lực cán bộ và cải cách thủ tục hành chính chưa đáp ứng yêu cầu; hiếu sự thống nhất, đồng bộ giữa các sở ngành và các địa phương trong tỉnh về quản lý XNK; Cơ sở hạ tầng bất cập, chi phí vẫn cao cản trở hoạt động XNK.

2.3.2. Nguyên nhân của các hạn chế

- Xu hướng toàn cầu hóa và tự do thương mại diễn ra ngày càng mạnh mẽ tạo sức ép và khó khăn rất lớn đối với Lào nói chung và tỉnh Sê Kong nói riêng, trong quá trình cam kết mở cửa thị trường và hội nhập kinh tế.
- Sê Kong vẫn là tỉnh sản xuất nông nghiệp, năng suất lao động còn thấp, cơ sở vật chất kỹ thuật trọng yếu và công nghiệp hóa vẫn còn nghèo nàn, khai thác tài nguyên và gia công vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ chậm phát triển, ngân sách nhà nước vẫn bị thiếu hụt, giá cả hàng góa có xu hướng tăng, nhập siêu không giảm;
- Tỷ trọng và chất lượng đầu tư phát triển trong đó đầu tư xã hội cho sản xuất hàng xuất khẩu nhìn chung vẫn còn thấp, ảnh hưởng đến khả năng gia tăng qui mô sản xuất và xuất khẩu.
- Tình trạng thiếu hụt cán cân thương mại có thể là hệ quả tất yếu của giai đoạn đầu phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, nhất là đối với nền kinh tế có độ mở tương đối cao như Savannakhet trong điều kiện hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3
GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG XNK TẠI TỈNH SÊKONG

3.1.PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢCPHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI

3.1.1. Phương hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sê kong đến năm 2020

a. Chiến lược phát triển kinh tế

Đảm bảo mức độ tăng trưởng của tổng thu nhập quốc dân (GDP) tăng trung bình 11%/năm, Trong đó ngành nông nghiệp – lâm nghiệp tăng 7.5% chiếm 35.8 %, công nghiệp 12.5% /năm, chiếm 22.3% và ngành dịch vụ tăng 13.5% /năm, chiếm 41.9 % của GDP. Thu nhập bình quan đầu ngươi đạt được 17.84 triệu kíp (2,200 USD) /năm. Đến năm 2020 sẽ có dân số khoảng 123.300 người, dân số tuổi làm lao động (tuổi từ 15-64) sẽ có khoảng 70.000 người, chiếm 56 % của tổng dân số. thúc đẩy tạo kéo tay lao động (tuổi từ 15 năm đi lên), có thể đạt khoảng 50.000 người, chiếm 71 % của dân số là làm lao động trong đó :

- Ngành nông nghiệp có 32.500 người, chiếm 65 %.
- Ngành công nghiệp có 8.500 người, chiếm 17 %.
- Ngành dịch vụ có 9.000 người, chiếm 18 % của tổng dân số tuổi làm lao động.

b. C hiến lược ngành xã hội

Phấn đấu giảm số lượng hộ gia đing nghèo, làng và huyện phải đạt được 100 % trong năm 2020.

✚ Ngành giáo dục

Coi trong việc giáo dục và phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng trong việc phát triển, đảm bảo việc phát triển giáo dục phải có chất lượng và số lượng, cải cách hệ thống giáo dục đặc biệt là ngành tay nghề phải có chất lượng và phù hợp với nhu cầu thực tế của từng công việc và phải có việc làm ổn định và có thu nhập cao. Mục tiêu cơ bản đến năm 2020 như sau :

- Chỉ số vào trường mẫu giáo (3-5 tuổi) đạt đến 59%.
- Chỉ số vào trường chung của trẻ con 5 tuổi chuẩn bị vào trường cấp 1 chiếm hơn 75%. Chỉ số vào trường cấp 1 chiếm 100 %. Đến 2020 chỉ số lên cấp học (từ lớp 1 – 5) đạt được 95 %, chỉ số nhập học cấp 2 đạt được 88 %, cấp 3 đạt được 76 % và chỉ số vào trường nghề nghiệp đạt được 3 %. Chỉ số sử dụng phòng vệ sinh tại trường

cấp 1 chiếm 90 % và cấp 2 chiếm 90 %. Giảm số lượng người dân mù trữ từ 15 – 24 tuổi đạt được 98 % và từ 15 tuổi trở lên đạt được 95 %.

✚ ***Ngành Y tế***

thực hiện theo hướng chống bệnh tật và chăm sóc sức khỏe là yếu tố cơ bản đi cùng với việc điều trị có chất lượng và coi trọng việc cung cấp đầy đủ dịch vụ y tế công , cộng làm cho người dân tỉnh Sê kong có sứ khỏe tốt. Mục tiêu phấn đấu cơ bản phải đạt được như sau :

- Tăng tuổi thọ trung bình đến 65 tuổi, giảm chỉ số chết của phụ nữ có thai xuống 50/100.000 làn đẻ con , chỉ số chết trẻ em dưới 1 tuổi xuống mực độ 20/1.000 người. chỉ số chết của trẻ con dưới 5 tuổi xuống mức 30/1.000 người.
- Tăng chỉ số tiêm thuốc chống bệnh đạt được 90 % của nhóm mục đích.
- Tăng số lượng phu sinh tại nơi dịch vụ được 80%. Sinh con có y tế hỗ trợ 78%. Cung cấp dịch vụ lập kế hoạch sinh con ở mức 75 %.
- Xây dựng làng y tế kiểu mẫu đạt được 75 % của tổng số làng. Làm cho người dân có thể tiếp cận thông tin về y tế đạt được 95%.

✚ ***Ngành lao động***

- Tiếp tục đào tạo và phát triển tay nghề lao động đáp ứng được nhu cầu của thị trường cả số lượng lẫn chất lượng theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa. Tính đến năm 2020 số lượng lao động đăng ký có việc làm được 50.000 người chiếm 71 % của dân số người tuổi làm lao động ; ngành nông nghiệp có giảm xuống được 32.500 người chiếm 65 %, ngành công nghiệp 8.500 người chiếm 17 % và ngành dịch vụ 9.000 người chiếm 18 % của tổng dân số tuổi làm lao động.
- Đăng ký người lao động đạt được 100 % của người lao động trong mục đích.
- Dịch vụ tìm việc làm cho lao động tăng lên mới khoảng 1.967 người
- Tổ chức đào tạo cho các lực lượng lao động để lao động có tay nghề tốt được khoảng 2.217 người.

✚ ***Ngành truyền thông, văn hóa và du lịch***

- Mở rộng dịch vụ đài phát thanh chiếm 90 % trong diên tích của toàn tỉnh, Mở rộng tổng đài vệ tỉnh chiếm 80 % diên tích của toàn quốc.
- Phấu đấu xây dựng làng văn hóa đạt được 165 làng và gia đình văn hóa đạt được 15.266 gia đình.
- Đến năm 2020 phấn đấu cho số lượng người du lịch tăng số hơn 50.000 người, tạo thu nhập đạt được 12 triệu USD.

3.1.2. Chiến lược phát triển thương mại của tỉnh Sêkong đến năm 2020

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển thị trường và sản xuất trên cơ sở hiệu quả, các doanh nghiệp nhà nước phải thực sự là công cụ điều tiết thị trường, quản lý và ổn định giá cả hàng hóa, qua đó đảm bảo cho nhân dân được đầy đủ lương thực phẩm, hàng tiêu dùng đa dạng và đúng thị hiếu của họ.

Phấn đấu công nghiệp chế biến tăng trưởng đạt tỷ lệ trung bình 15%/năm; đến năm 2020 đạt được 44,2 tỷ Kip và phấn đấu thủ công tăng trưởng đạt tỷ lệ trung bình 14 %/năm; đến năm 2020 đạt được 9,5 tỷ Kip .

Phấn đấu giá trị thương mại trong nước tăng trưởng đạt tỷ lệ trung bình 13% /năm ; đến năm 2020 đạt được 98,5 tỷ Kip.

3.1.3. Quản điểm quản lý nhà nước về hoạt động XNK

- Hoàn thiện quản lý XNK phải trên cơ sở kế thừa và phát triển những yếu tố tích cực và thành quả đã đạt được và bảo đảm tính hệ thống, ổn định và nhất quán.
- Hoàn thiện để nâng cao năng lực và hiệu quả của hệ thống quản lý XNK đồng thời khai thác các tiềm năng, lợi thế của tỉnh và tạo môi trường tích cực cho hoạt động kinh doanh XNK phát triển.

Hoàn thiện quản lý XNK phải có kế hoạch, bước đi phù hợp và sự phối hợp, nhậy bén và sự biến đổi của thực tiễn.

Hoàn thiện quản lý XNK cần phải phù hợp với quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường, tiếp cận và thích ứng với những "thước đo chung", những "luật chơi chung" của thế giới.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG XNK

3.2.1. Hoàn thiện chiến lược quản lý nhà nước về XNK

a. Mục đích yêu cầu

Bảo đảm cho hoạt động XNK ngày càng mở rộng và có chiều sâu không chỉ gia tăng quy mô XNK; Cơ chế quản lý XNK phải góp phần tạo ra môi trường thông thoáng, thuận lợi cho hoạt động XNK của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trong nền kinh tế; Cách thức quản lý XNK như chính sách, chiến lược phải phù hợp với tiến trình đổi mới nền kinh tế của tỉnh; Các chính sách, biện pháp quản lý XNK hỗ trợ và phục vụ tích cực cho quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật về XNK.

b. Nội dung cơ bản

Phải thực hiện điều tiết hoạt động XNK trên cơ sở tổng thể của cả nền kinh tế, định hướng phát triển công nghiệp, nông nghiệp và phải tính đến hiệu ứng lan tỏa từ chính sách XNK đối với các lĩnh vực khác như an ninh, an toàn, giá cả, sức khỏe con người, đồng thời phải gắn liền hiệu quả với từng ngành hàng sản xuất; Phải kết hợp sử dụng các phương pháp định lượng và định tính để hoạch định các chính sách và công cụ quản lý nhà nước đối với các hoạt động XNK; Tiếp tục hoàn thiện quyền tự do thương mại gắn liền với quyền tự do XNK và ban hành cơ chế đồng bộ để đảm bảo cho quyền này được phát huy có hiệu quả; Đi đôi với mở rộng quyền kinh doanh XNK, phân cấp mạnh mẽ quyền hạn cho cơ sở để chủ động sản xuất kinh doanh cần phải tăng cường vai trò quản lý hoạt động XNK ở các địa phương và khu vực...

3.2.2. Hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về XNK

a. Mục đích yêu cầu:

Bảo đảm cho các công cụ quản lý XNK phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh tế quốc tế theo những quy định chung của thế giới như cắt giảm các hàng rào thương mại, chuyển các công cụ phi thuế quan sang thuế quan; Mở rộng sử dụng các công cụ thuế quan thay cho các công cụ phi thuế quan; Cần phải nhanh chóng hoàn thiện các công cụ bảo hộ đã được quốc tế hóa như đã nêu ở trên.

b. Nội dung cơ bản

Hoàn thiện chính sách thuế quan; Hoàn thiện Biểu thuế XNK; Sử dụng hạn ngạch thuế quan để bảo về sản xuất trong nước; Hoàn thiện hệ thống các công cụ phi thuế quan; Hoàn thiện các biện pháp quản lý định lượng; Quản lý ngoại hối và tỷ giá linh hoạt và hợp lý...

3.2.3. Tổ chức lại hoạt động XNK

a. Mục đích yêu cầu

Bảo đảm xây dựng về cơ bản nền tảng hạ tầng pháp luật cho hoạt động xuất nhập khẩu; Từng bước cải cách và điều chỉnh, sửa đổi các quy định về pháp luật liên quan tới hoạt động xuất nhập khẩu; Bản đảm cho hệ thống pháp luật này đạt được tính hiệu lực, hiệu quả và thực tiễn cuộc sống; Bảo đảm tính mềm dẻo linh hoạt theo tình hình của trong nước và quốc tế.

b. Nội dung cơ bản

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý hoạt động XNK phải đạt các mục tiêu: Đổi mới toàn bộ hệ thống pháp luật XNK từ quy trình lập pháp, phương pháp soạn thảo, thẩm định cho đến ban hành

đưa luật vào thực tiễn cuộc sống; Tôn trọng các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, hàng hóa, tiền tệ và đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia hoạt động XNK; Đảm bảo sự quản lý vĩ mô và chỉ huy điều hành thống nhất của các hoạt động XNK; Hệ thống pháp lý từ luật cho đến các qua trình thủ tục, giữa phạm vi điều chỉnh và đối tượng điều chỉnh phải thống nhất và đồng bộ từ Trung ương đến địa phương; Đảm bảo sự tương thích với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế trên cơ sở cân nhắc giải quyết tốt mối quan hệ giữa yêu cầu quản lý nhà nước và thông thoáng tạo thuận lợi trong hoạt động XNK...

3.2.4. Hoàn thiện các chính sách thúc đẩy hoạt động XNK

a. Mục đích yêu cầu

Trong những năm tới, với quan điểm chủ động hội nhập đòi hỏi chính sách XNK của tỉnh phải vừa tạo tiền đề phát huy nội lực và ngoại lực vừa phải phù hợp với các định chế và thông lệ thương mại của nước và TMQT. Tuy nhiên, xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với thông lệ quốc tế nhưng phải xuất phát từ đặc thù kinh tế - xã hội của tỉnh, giải quyết thỏa đáng giữa tình đặc thù và tính phổ biến hài hòa, tương thích.

b. Nội dung cơ bản

- **Đối với xuất khẩu**

Mục tiêu của chiến lược phát triển xuất khẩu của tỉnh Sêkong trong thời gian đến là: thu hẹp khai thác theo chiều rộng, chuyển hướng theo chiều sâu các yếu tố: tài nguyên, lao động và vốn; sử dụng nguồn lực cho mỗi đơn vị sản phẩm hợp lý; tăng trưởng xuất khẩu gắn liền với tiết kiệm nguồn lực, đảm bảo an ninh tài nguyên, môi trường. rong đó, phải nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu ngành hàng xuất khẩu, vừa triệt để khai thác những lợi thế so sánh tĩnh, vừa tạo dựng lợi thế so sánh động nhằm tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm xuất khẩu.

- **Đối với nhập khẩu**

Mục tiêu của chiến lược nhập khẩu trong thời gian đến là: phải cân bằng với xuất khẩu, chủ yếu để phục vụ sản xuất xuất khẩu, đáp ứng những lĩnh vực trọng yếu của đất nước và nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

3.2.5. Hoàn thiện công tác tranh tra kiểm tra quản lý nhà về hoạt động XNK

a. Mục đích yêu cầu

Nhằm tạo sự tạo ra cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong hoạt động chống buôn lâu, gian lận thương mại và hàng giả, đảm bảo có hiệu quả, góp phần thúc đẩy hoạt động XNK của Lào và góp phần ổn định thị trường, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân kinh doanh và người tiêu dùng; thực hiện phương pháp phân tích ngưỡng hàng hóa XNK; phải chống buôn lậu, gian lận thương mại từ quốc.

b. Nội dung cơ bản

Nâng cao hiệu lực công tác thanh tra kiểm tra; Đổi mới biện pháp chống buôn lậu. gian lận thương mại

3.3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Kết luận

- Hệ thống hóa những vấn đề có tính lý luận và thực tiễn về TMQT và quản lý hoạt động XNK. Tổng hợp phân tích hệ thống các công cụ chính sách mang tính thông lệ quốc tế tác động đến hoạt động XNK. Hệ thống hóa lý luận và nêu lên những nguyên tác cơ bản và tính tất yếu khách quan phải hoàn thiện công tác quản lý hoạt động XNK của tỉnh trong giai đoạn hiện nay.
- Phân tích, đánh giá những nhân tố cơ bản tác động đến quá trình quản lý hoạt động XNK của Lào và tỉnh Sê Kong.

Tổng kết đánh giá quá trình thực hiện quản lý hoạt động XNK trong từng giai đoạn của tỉnh SêKong.

3.3.2. Kiến nghị

a. Với chính phủ, các Bộ ban ngành của CHDCND Lào

b. Với tỉnh và các huyện trực thuộc tỉnh

Hoàn thiện công tác quản lý đối với hoạt động XNK, nâng cao trình độ chuyên môn, khoa học, kỹ thuật và quản lý kinh tế cho cán bộ các cấp, giải quyết tốt các vấn đề mới nẩy sinh trong quá trình điều hành thực hiện các chính sách công nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3
KẾT LUẬN